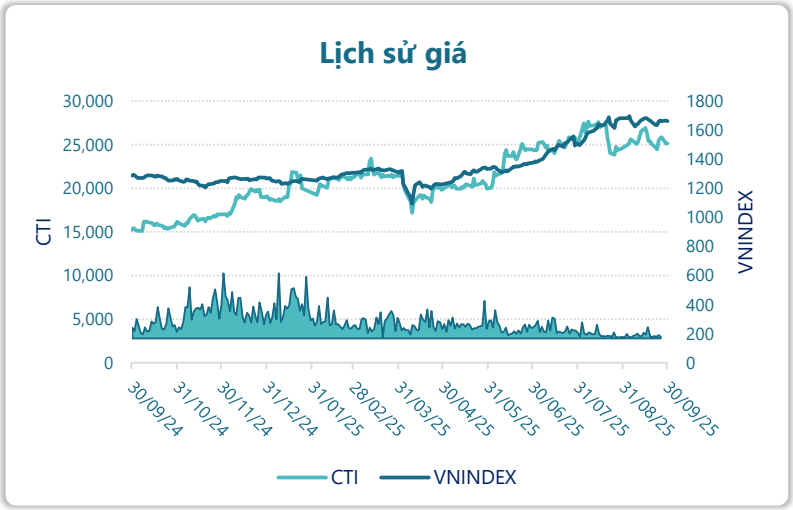
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (HSX: CTI)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,100
SL cổ phiếu LH	62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,171,165
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,584
P/E	12.5
EPS	2,006

DT thuần

Q3/25

363

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 4.4%

YoY: ▲ 90.0| 33.1%

LN sau thuế

Q3/25

44.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.40| 10.9%

YoY: ▲ 6.90| 18.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

25.1%

+/- YoY: ▼ 4.0%

DT thuần

9T 2025

994

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 207| 26.2%

LN sau thuế

9T 2025

127

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.6| 34.3%

ROE

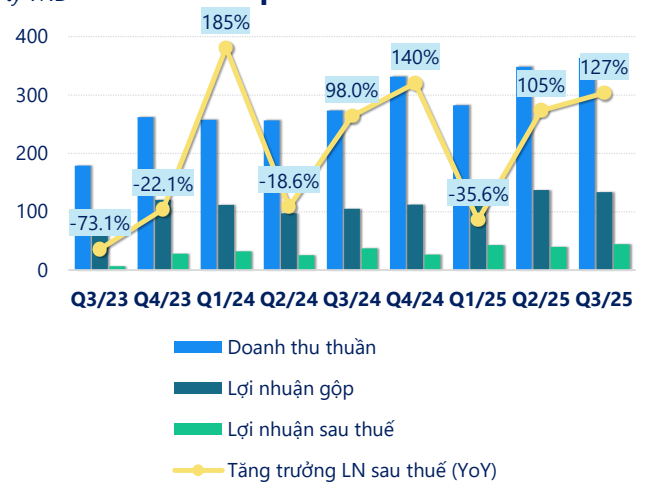
Q3/25

7.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

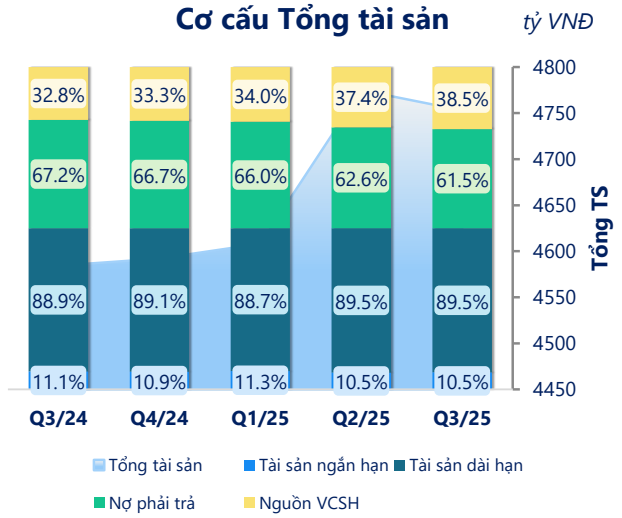
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



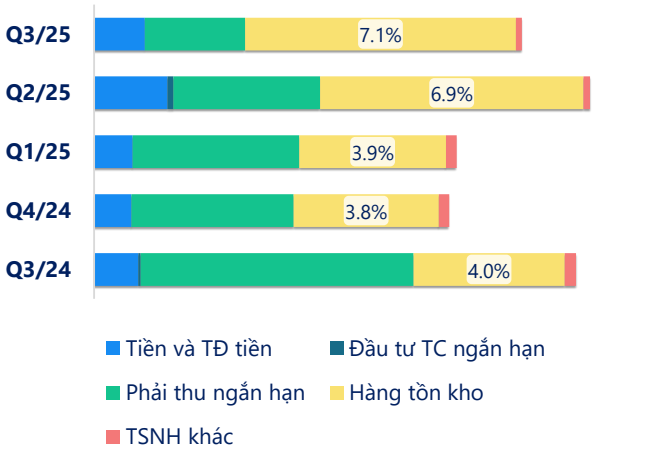
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



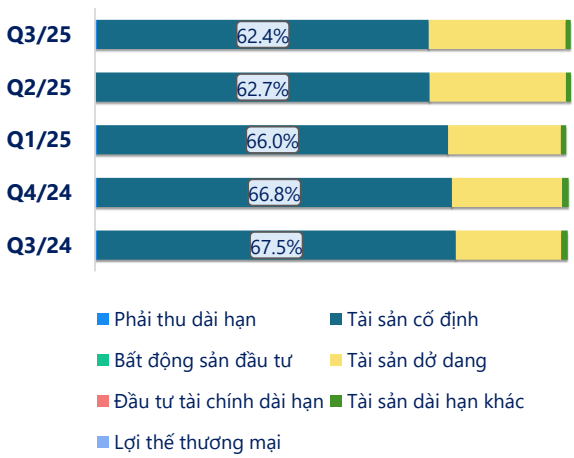
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



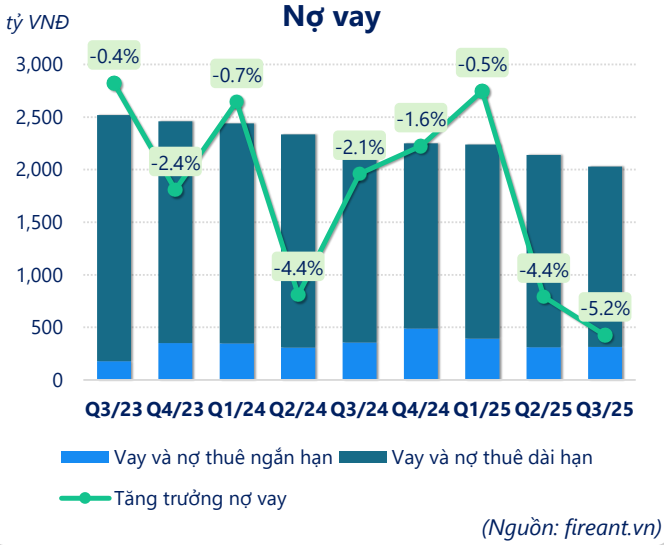
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



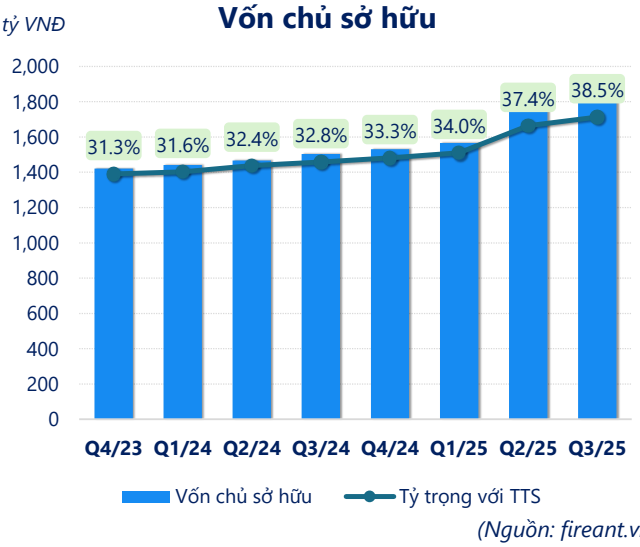
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



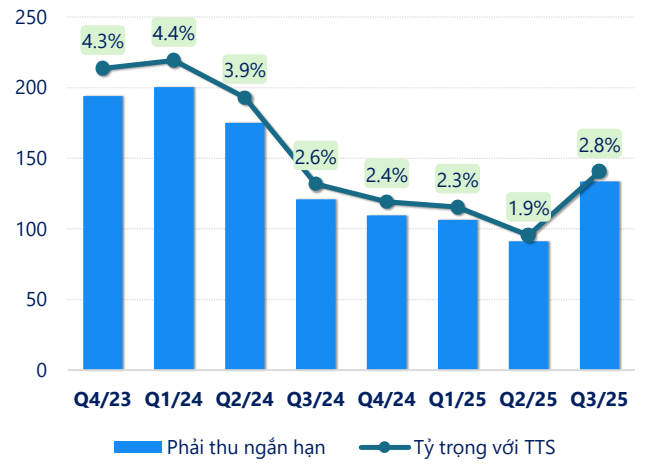
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



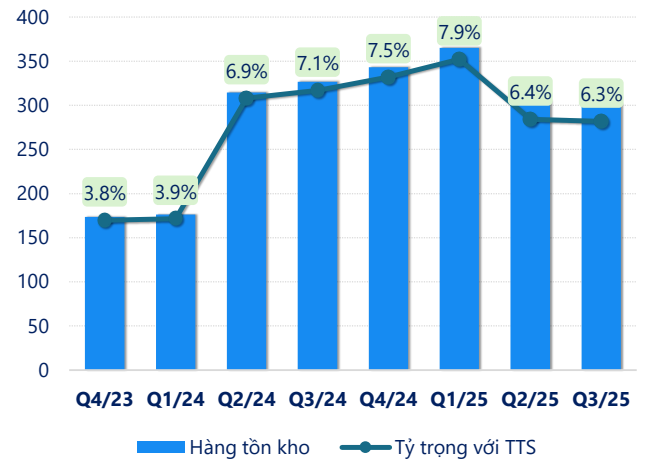
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



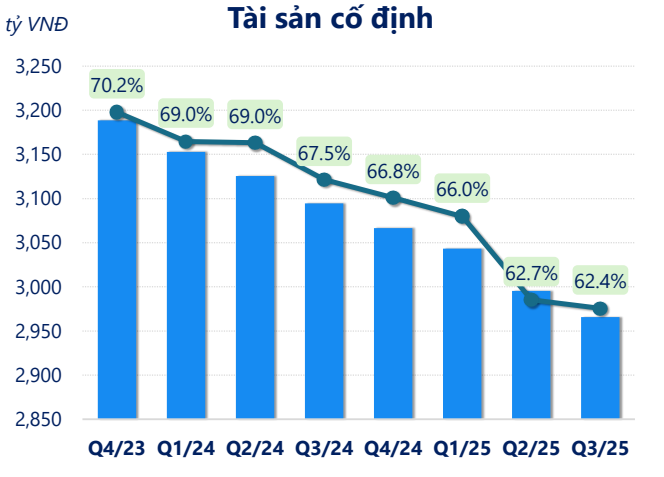
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



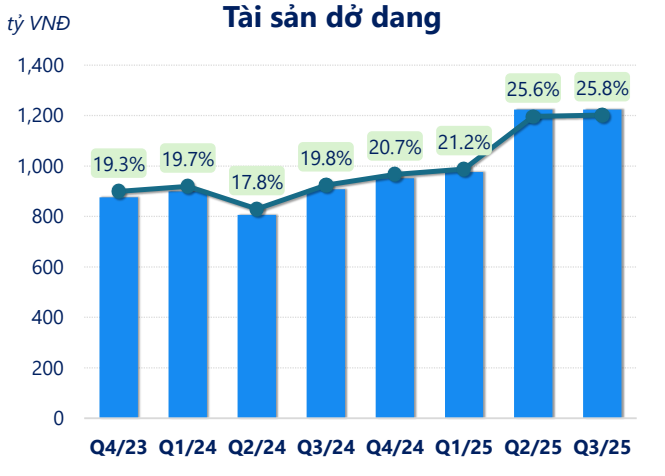
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



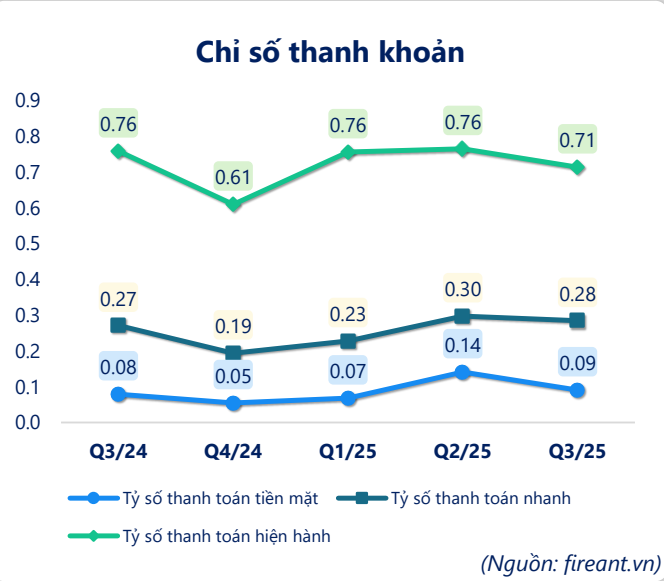
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



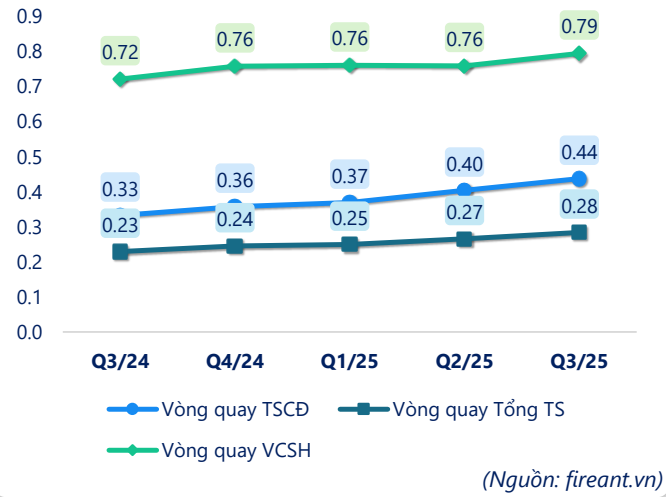
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,584**	**4,592**	**4,608**	**4,775**	**4,753**
Tài sản ngắn hạn	**508**	**503**	**523**	**499**	**501**
Tiền và tương đương tiền	53.2	45.1	46.9	92.0	63.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	7.48	0
Phải thu ngắn hạn	121	109	106	91.2	133
Hàng tồn kho	327	343	365	305	301
Tài sản ngắn hạn khác	7.33	5.07	4.39	3.40	2.56
Tài sản dài hạn	**4,076**	**4,089**	**4,085**	**4,276**	**4,252**
Phải thu dài hạn	16.5	16.5	17.3	9.28	18.1
Tài sản cố định	3,094	3,067	3,043	2,995	2,966
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	908	952	976	1,224	1,224
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	57.6	54.7	48.8	46.6	43.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,080**	**3,062**	**3,042**	**2,987**	**2,921**
Nợ ngắn hạn	**670**	**825**	**692**	**653**	**702**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	356	490	394	312	315
Phải trả người bán ngắn hạn	138	153	119	104	123
Nợ dài hạn	2,410	2,237	2,350	2,335	2,219
Vay và nợ thuê dài hạn	1,929	1,760	1,845	1,828	1,715
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,504**	**1,530**	**1,566**	**1,788**	**1,832**
Vốn chủ sở hữu	**1,504**	**1,530**	**1,566**	**1,788**	**1,832**
Vốn điều lệ	630	630	630	630	630
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)